**ÔN TẬP HÓA HỌC 8 (tuần 21 – 23)**

**Dạng 1: Lập phương trình hóa học**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Fe + Cl2 🡪 FeCl3
2. P2O5 + H2O 🡪 H3PO4
3. Mg + HCl 🡪 MgCl2 + H2
4. NaOH + Al2(SO4)3 🡪 Na2SO4 + Al(OH)3
5. K + O2 → K2O
6. Al + HCl → AlCl3 + H2
7. P + O2 → P2O5
8. CuO + HCl → CuCl2 + H2O
9. Fe + O2 → Fe3O4
10. Zn + HCl → ZnCl2 + H2
11. Ba + H2O → Ba(OH)2 + H2
12. Cu(OH)2 → CuO + ?
13. Cl2 + H2 🡪 HCl
14. N2O5 + H2O 🡪 HNO3
15. Fe3O4 + H2 🡪 Fe + H2O
16. P + ? 🡪 P2O5
17. K + ? 🡪 K2O
18. Fe + ? 🡪 Fe3O4
19. Fe(OH)3 🡪 Fe2O3 + ?
20. Al2O3  + H2SO4 🡪 Al2 (SO4 )3 + H2O
21. N2 + H2 🡪 NH3
22. N2O5 + Na2O 🡪 NaNO3
 | 1. Al + H2SO4 🡪 Al2(SO4)3 + H2
2. KOH + H3PO4 🡪 K3PO4 + H2O
3. Fe + Cl2 → FeCl3
4. P + O2 → P2O5
5. Na + ? → NaOH + H2
6. Fe(OH)3 + HCl → FeCl3 + H2O
7. Na + Cl2 → NaCl
8. NaOH + CuSO4 → Cu(OH)2 + Na2SO4
9. ZnO + HCl → ZnCl2 + H2O
10. Al(OH)3  + HCl → AlCl3 + 3H2O
11. Fe + O2 🡪 Fe3O4
12. KClO3  🡪 KCl + O2
13. Al + HCl 🡪 AlCl3 + H2
14. BaCl2 + Na2SO4 🡪 BaSO4 + NaCl
15. Ba + O2 🡪 ?
16. K2O + H2O 🡪 KOH
17. Al + HCl 🡪 AlCl3 + H2
18. Fe2O3 + CO 🡪 Fe + CO2
19. Na + O2 → Na2O
20. Al + HCl → AlCl3 + H2
21. Fe2O3 + CO → Fe + CO2
22. KMnO4 → K2MnO4 + MnO2 + O2
 |

**Dạng 2: Tính toán theo phương trình hóa học**

**Câu 1**: Đốt cháy 2,4g cacbon trong khí oxi thu được cacbon dioxit CO2.

* 1. Viết PTHH
	2. Tính số mol Cabon đã phản ứng
	3. Tính thể tích oxi cần dùng (đktc)
	4. Tính khối lượng CO2 thu được.

**Câu 2:** Đốt cháy 4,8g Lưu huỳnh trong không khí thu được Lưu huỳnh đioxit SO2

1. Viết PTHH
2. Tính số mol lưu huỳnh đã phản ứng
3. Tính thể tích oxi cần dùng (đktc)
4. Tính khối lượng SO2 thu được.

**Câu 3:** Đốt cháy 2,4(g) kim loại Mg trong không khí ta thu được hợp chất Magie oxit (MgO)

a) Viết phương trình phản ứng xảy ra

b) Tính số mol Mg đã phản ứng

c) Tính khối lượng của MgO thu được và thể tích khí oxi đã tham gia phản ứng

**Câu 4:** Đốt cháy 13 gam kẽm trong khí Oxi (đktc) thu được kẽm oxit ZnO

1. Lập phương trình hóa học của phản ứng.
2. Tính số mol kẽm đã phản ứng
3. Tính khối lượng kẽm oxit thu được.
4. Tính thể tích khí oxi đã phản ứng.

**Câu 5:** Đốt cháy hoàn toàn 21,6g bột nhôm trong khí oxi tạo thành nhôm oxit (Al2O3) theo sơ đồ

 Al + O2  $\rightarrow $ Al2O3

1. Tính số mol nhôm đã phản ứng
2. Tính khối lượng nhôm oxit thu được
3. Tính thể tích khí oxi đã tham gia phản ứng

**Câu 6:** Cho 5,6g kim loại sắt tác dụng vừa đủ với V ( lít) khí oxi thu được oxit sắt (III) (Fe2O3)

1. Viết PTHH xảy ra.
2. Tính số mol sắt đã phản ứng
3. Tính thể tích khí oxi đã dùng (đktc).
4. Tính khối lượng sản phẩm thu được sau phản ứng

**Câu 7:** Cho 4,8 gam Magie vào dung dịch axit Clohidric HCl. Sau phản ứng thu được Magie clorua MgCl2 và khí Hidro.

1. Viết phưong trình hóa học của phản ứng trên.
2. Tìm khối lựơng Magie clorua thu đựơc sau phản ứng.

**Câu 8:** Cho 2,8 gam sắt vào dung dịch axit clohidric thu được khí hidro và muối sắt (II) clorua FeCl2

1. Viết phương trình hóa học xảy ra
2. Tính thể tích khí hidro thu được ở đktc.
3. Tính khối lượng muối thu được.

**Câu 9:** Hòa tan 22,4g sắt vào dung dịch axit sunfuric H2SO4 thu được sắt (II) sunfat FeSO4 và khí Hidro .

a. Lập phương trình hóa học của phản ứng.

b. Tính khối lượng muối tạo thành.

c. Tính thể tích khí Hidro (ở đktc)

**Câu 10**: Hòa tan 6,5g Kẽm vào một lượng vừa đủ axit clohidric HCl trong dung dịch, sau phản ứng thu được kẽm clorua ZnCl2 và khí hidro.

1. Viết PTHH
2. Tính khối lượng HCl cần dùng
3. Tính thể tích khí hidro ở đktc
4. Tính khối lượng ZnCl2